

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 03-01-2024.

V/v tranh chấp: “Chia thừa kế,
chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhàn**.

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Bảo Duy** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 12 năm 2023 và ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp: “Chia thừa kế, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXXST-DS ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2023/QĐST-DS ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:**

-Nguyễn Thị Châu T1, sinh năm 1980.

-Nguyễn Thị Dạ T2, sinh năm 1982.

-Nguyễn Thành V, sinh năm 1985.

- Nguyễn Trần Q, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của T, T2, V có anh Nguyễn Trần Q, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T theo giấy ủy quyền ngày 11/12/2020.

***Bị đơn:** Trần Thị L, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1./Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

2./Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh T - phòng giao dịch G (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số C, đường V, Phường D, thị xã G, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Trần Q trình bày:**

Cha của tôi là ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1957 (chết năm 2010) và vợ là bà Trần Thị L, có 04 người con chung gồm:

Nguyễn Thị Châu T1, sinh năm 1980.

Nguyễn Thị Dạ T2, sinh năm 1982.

Nguyễn Thành V, sinh năm 1985.

Nguyễn Trần Q, sinh năm 1987.

Nguồn gốc căn nhà số A và thửa đất số B, tờ bản đồ số C, tại địa chỉ số A, đường P, ấp T4 (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T là tài sản chung của cụ nội chúng tôi tạo lập trước năm 1975, sau đó cho lại cho cha tôi là ông Nguyễn Thành L được thừa kế quản lý, sử dụng. Căn nhà và đất là do ông Nguyễn Thành L được hưởng thừa kế của cha mẹ là tài sản của ông L trước khi kết hôn với bà Trần Thị L, đến khi ông L chết đã chuyển sang cho bà Trần Thị L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT154437 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS05669 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 05/11/2019. Căn nhà này được cụ cố nội chúng tôi xây cất trước năm 1975 theo kiểu phong kiến cho nên nền nhà trước được lợp mái ngói, vách tường, nền đất được sử dụng qua nhiều thế hệ cho nên đã xuống cấp trầm trọng, sau đó anh em chúng tôi lớn mới sửa chữa lại căn nhà này như hiện trạng bây giờ. Cụ thể: Năm 2011, Nguyễn Thị Châu T1 trực tiếp xây cất lại căn nhà bếp và 02 nhà vệ sinh của phần nhà sau, trị giá 7.000.000đồng. Hiện nay còn lại 3.850.000đồng. Năm 2013, Nguyễn Thành V trực tiếp lợp lại mái tole, thay kèo, đòn tay phần gỗ căn nhà sau, trị giá 10.000.000đồng. Hiện nay còn lại 6.500.000 đồng. Năm 2015, Nguyễn Thị Châu T1, Nguyễn Thị Dạ T2, Nguyễn Trần Q trực tiếp xây cất 02 phòng ngủ, xây trảng xê bằng bê tông, theo dạng đi văng giả gỗ, xây vách lợp phần nhà trước, lát gạch toàn bộ phần nhà sau và trảng toàn bộ nền trước nhà bằng bê tông mà trước đây là nền đất giá trị 25.000.000đồng, đến nay giá trị sử dụng còn lại là 18.750.000đồng, mỗi người 6.250.000đồng. Tất cả vật liệu xây dựng được chúng tôi mua tại cửa hàng vật liệu xây dựng Quang P, địa chỉ: số A, đường T, khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T, còn thợ xây dựng thì công là chú L ở địa chỉ: đường P, khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T. Những giấy tờ để mua những vật liệu xây dựng đã quá lâu nên không còn giữ, chi phí thuê thợ sửa chữa nhà cũng không có giấy tờ để nộp cho Tòa án. Căn nhà số 41 và thửa đất số 49 là tài sản riêng của ông Nguyễn Thành L khi chết ông L không để lại di chúc cho nên bà L và 04 người con đều được hưởng quyền thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà số A và thửa đất số B, tờ bản đồ số C, tại địa chỉ: số A, đường P, thị trấn V, huyện G, cho nên mỗi người được hưởng 1/5 căn nhà và đất. Lúc lập thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Thành L sang tên bà Trần Thị L đứng tên, khi đó chúng tôi chỉ chấp nhận cho bà L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó bà L không có quyền sở hữu đối

với toàn bộ căn nhà số A, đường P, ấp T, (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh vì căn nhà này là tài sản chung của hộ gia đình chúng tôi.

Hiện tại bà Trần Thị L là người phải thi hành theo Quyết định thi hành án số 208/QĐ-CCTHADS ngày 19/6/2020 của Chi cục THADS huyện G với số tiền nợ vay là 314.000.000đồng, trong đó vốn gốc là 220.000.000 đồng, lãi vay là 94.600.000đồng, cho người được thi hành án là bà Trần Kim P, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh T; đồng thời Chi cục thi hành án dân sự huyện G cũng ban hành quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 13/11/2020 về việc cưỡng chế, kê biên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với bà Trần Thị L. Trong khi đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT154437 vào sổ GCN:CS05669 do S cấp ngày 05/11/2019 cho bà Trần Thị L thể hiện bà L chỉ có quyền sử dụng đối với thửa đất số A, tờ bản đồ số B, mà hoàn toàn không có quyền sở hữu đối với căn nhà và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số A, đường P, ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

Nay tôi yêu cầu như sau:

- Đối với căn nhà số A, đường P, ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T yêu cầu phân chia cho các con của ông Nguyễn Thành L được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà, cụ thể vợ và các con mỗi người được hưởng 1/5 căn nhà, trong đó 04 người con gồm: Nguyễn Thị Châu T1, Nguyễn Thị Dạ T2, Nguyễn Thành V, Nguyễn Trần Q tổng cộng là 4/5 căn nhà bằng hiện vật, bà L được 1/5 căn nhưng đối với phần bà L được hưởng thì 04 người con đồng ý hoàn lại cho bà L bằng giá trị. Cả 04 người con này cùng sở hữu căn nhà này.

- Buộc bà Trần Thị L phải hoàn trả lại cho mỗi người con giá trị còn lại của căn nhà theo công sức tôn tạo nhà cụ thể số tiền:

Trả cho Nguyễn Thị Châu T1 số tiền là 3.850.000đồng + 6.250.000đồng = 10.100.000đồng, Nguyễn Thị Dạ T2 số tiền là 6.250.000đồng, Nguyễn Thành V số tiền là 6.500.000đồng, Nguyễn Trần Q số tiền 6.250.000đồng.

Chi phí lúc bỏ ra xây cất, tôn tạo nhà thì chúng tôi không có để nộp cho tòa án.

Còn đối với phần đất gắn liền với căn nhà này thì theo quyết định kê biên của Chi cục thi hành án dân sự huyện G thì chúng tôi không tranh chấp, không có ý kiến. Chúng tôi chỉ tranh chấp căn nhà gắn liền với đất này.

Đối với những người làm chứng ông Đặng Ngọc L và ông Võ Văn C do đã có giấy xác nhận nên yêu cầu Tòa án không mời người làm chứng là ông Đặng Ngọc L và ông Võ Văn C.

***Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:**

Tôi thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về nội dung vụ kiện, về nguồn gốc căn nhà. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tôi có ý kiến như sau: Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, tôi đồng ý giao cho 04 người con là T1, T2, V, Q tổng cộng 4/5 căn nhà và đất bằng hiện vật để được đồng sở hữu, quản lý sử dụng toàn bộ căn nhà này, để 04 người con cùng có trách nhiệm giao lại cho tôi 1/5 giá trị căn nhà và đất theo biên bản định giá của Tòa án. Tôi đồng ý trả lại số tiền cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà cho 04

người con tôi gồm: T1, T2, V, Q số tiền cụ thể tôi trả cho T1 số tiền 10.100.000đồng, T2 số tiền 6.250.000đồng, V số tiền 6.500.000đồng, Q số tiền 6.250.000đồng.

Đối với những người làm chứng ông Đặng Ngọc L và ông Võ Văn C do đã có giấy xác nhận nên yêu cầu Tòa án không mời người làm chứng là ông Đặng Ngọc L và ông Võ Văn C.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T trình bày:**

Chi cục thi hành án dân sự huyện G đang thụ lý và thi hành Bản án số 147/2020/DS-PT ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T với nội dung: “Buộc bà Trần Thị L, địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim P, địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh T với số tiền vốn là 220.000.000đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 94.600.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Quá trình tổ chức việc thi hành án, do bà Trần Thị L không tự nguyện thi hành án nên Chi cục thi hành án dân sự huyện G đã kê biên tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m² loại đất ở tọa lạc tại khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS05669 do S cấp ngày 05/11/2019 cho bà Trần Thị L đang thế chấp tại ngân hàng thương mại cổ phần S– chi nhánh T– Phòng Giao dịch G để đảm bảo việc thi hành án.

Nay bà Nguyễn Thị Châu T1, bà Nguyễn Thị Dạ T2, ông Nguyễn Thành V và ông Nguyễn Trần Q, địa chỉ: số A, đường P, ấp T, thị trấn V, huyện G, tỉnh T khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật” đối với tài sản đã kê biên trên.

Căn cứ Điều 75 Luật thi hành án dân sự, Chi cục thi hành án dân sự huyện G đã hoãn việc thi hành bản án trên để chờ kết quả giải quyết của Tòa. Do bận công tác chuyên môn nên Chi cục thi hành án dân sự huyện G xin vắng mặt, không tham gia tố tụng trong suốt quá trình tố tụng. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện G xem xét giải quyết sớm vụ án tranh chấp trên theo quy định pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng thương mại cổ phần S– chi nhánh T– Phòng giao dịch G trình bày:**

Hiện tại bà Trần Thị L có vay vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần S– Phòng giao dịch G theo hồ sơ tín dụng số LD1935700521 ngày 23/12/2019 và hợp đồng thế chấp số LD1935700521 ngày 23/12/2019. Tài sản thế chấp là: Quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CT154437, tờ bản đồ số A, thửa đất số B, diện tích 261,7m². Tài sản trên được công chứng và giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, vì vậy trước khi chia tài sản, chia di sản thừa kế đề nghị bà Trần Thị L phải trả hết vốn, lãi và các chi phí phát sinh theo hợp đồng nêu trên cho Sacombank Phòng giao dịch G. Sacombank phòng giao dịch G có ý kiến xin không tham gia tố tụng trong suốt quá trình xét xử vụ án.

***Người làm chứng ông Đặng Ngọc L trình bày:**

Tôi là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Q ngụ tại số 22, đường Nguyễn Văn C, khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T. Nay tôi xin xác nhận về việc có bán vật liệu xây dựng cho các con của bà Trần Thị L là Nguyễn Thị Châu T1,

Nguyễn Thị Dạ T2, Nguyễn Thành V, Nguyễn Trần Q cùng ngụ tại số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T từ năm 2011 đến năm 2015.

***Người làm chứng ông Võ Văn C (9 L) trình bày:**

Tôi là thợ xây dựng, sửa chữa, cư ngụ tại 90/10, khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T. Vào năm 2011 đến năm 2015 tôi có xây dựng sửa chữa ngôi nhà số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

*** Tại phiên tòa:**

+ Nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn có anh Nguyễn Trần Q yêu cầu:

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà nằm trên thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T là tài sản chung của ông Nguyễn Thành L (cha ruột anh Q, ông L đã chết) và của bà Trần Thị L (mẹ ruột anh Q). Căn nhà này là tài sản chung của ông L và bà L. Anh Q yêu cầu được nhận căn nhà, yêu cầu giao căn nhà cho các anh chị em của anh Q quản lý, sử dụng. Anh Q đồng ý hoàn trả giá trị bằng tiền cho bà Trần Thị L đối với giá trị căn nhà theo kỹ phân thừa kế bà L được hưởng đối với căn nhà là tài sản chung của ông L và bà L theo biên bản định giá của tòa án.

- Anh Q không yêu cầu bà Trần Thị L phải hoàn trả công sức đóng góp cho anh và các anh chị em của anh nữa.

Do anh và các anh chị em của anh hiện nay không có chỗ ở, ở nhà thuê, nên muốn nhận nhà.

Đối với thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T là tài sản riêng của bà L, do anh và các anh chị em của anh đã ra văn phòng công chứng ký giấy để bà L được đứng tên thửa đất này. Nên thửa đất này anh và các anh chị em của anh không khởi kiện, không tranh chấp với bà L.

+ Bị đơn Bà Trần Thị L đồng ý giao căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà nằm trên thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T cho anh Q và 04 người con của bà là đồng nguyên đơn quản lý, sở hữu. Anh Q và các con của bà hoàn trả giá trị bằng tiền cho bà theo biên bản định giá của tòa án. Bà xin được giữ lại căn nhà cho các con bà ở.

*** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71,72,73,78,86 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về việc giải quyết vụ kiện: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trần Quang, chia căn nhà là tài sản chung của ông L và bà L theo quy định thừa kế, giao căn nhà cho bà L quản lý, sở hữu để đảm bảo nghĩa

vụ thi hành án do phần đất đã bị Chi cục thi hành án kê biên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, bà L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho các con của bà L theo kỷ phần thừa kế đối với căn nhà. Đối với thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T là tài sản riêng của bà L, các đương sự không tranh chấp nên không đặt ra giải quyết. Đình chỉ yêu cầu của anh Q về việc không yêu cầu bà L phải hoàn trả lại cho mỗi người con giá trị còn lại của căn nhà theo công sức đóng góp tôn tạo căn nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét, trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định là tranh chấp chia thừa kế, chia tài sản chung theo quy định tại Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T; ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh T - Phòng giao dịch G có đơn xin vắng mặt xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T và ngân hàng. Đối với những người làm chứng gồm ông Đặng Ngọc L, Võ Văn C (9 L) thì anh Q và bà L yêu cầu không mời đến Tòa án để giải quyết do đã nộp giấy xác nhận rồi nên cần chấp nhận yêu cầu này của anh Q và bà L.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Nguyên đơn, đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn có anh Q yêu cầu:

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà nằm trên thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T là tài sản chung của ông Nguyễn Thành L (cha ruột anh Q, ông L đã chết) và của mẹ anh Q là bà Trần Thị L.

Căn nhà này là tài sản chung của ông L và bà L. Anh Q yêu cầu được nhận căn nhà, yêu cầu giao căn nhà cho các anh chị em của anh Q quản lý, sở hữu. Anh Q đồng ý hoàn trả giá trị bằng tiền cho bà Trần Thị L đối với giá trị căn nhà theo kỷ phần thừa kế bà L được hưởng đối với căn nhà là tài sản chung của ông L và bà L theo biên bản định giá của Tòa án. Do anh và các anh chị em của anh hiện nay không có chỗ ở, ở nhà thuê, nên muốn nhận nhà.

Anh Q thống nhất không yêu cầu bà L phải hoàn trả công sức đóng góp cho anh và các anh chị em của anh nữa.

Đối với thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T là tài sản riêng của bà L, do anh và các anh chị em của anh đã ra văn phòng công chứng ký giấy để bà L được đứng tên đối với thửa đất này. Nên nay thửa đất này anh và các anh chị em của anh không tranh chấp đối với bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Q và bà L cùng thống nhất trình bày nội dung: “Nguồn gốc căn nhà số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T có nguồn gốc là từ cha mẹ ruột của ông Nguyễn Thành L (chết) để lại, khi cha ông L chết trước, sau đó đến mẹ của ông L chết. Khi còn sống thì cha mẹ ông L không có nói để căn nhà này cho ông L. Khi bà L về sống chung với ông L thì bà L đã sống chung với ông L ở trên căn nhà này từ đó cho đến nay đã hơn 44 năm. Khi bà L về ở chung với ông L thì bà L không có nghe mẹ ông L nói cho căn nhà này cho riêng ông L, mà chỉ nói để cho ông L và bà L cùng ở chứ không nói cho căn nhà này cho riêng ai. Bà L đã sống trong căn nhà này đã hơn 44 năm. Nên khi bà L về sống chung với ông L thì căn nhà này trở thành tài sản chung của ông L và bà L”.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Q và bà L cùng đồng ý thống nhất căn nhà số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T nằm trên thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m² đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T là tài sản chung của ông L (đã chết) và bà Trần Thị L. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1957 (đã chết ngày 22/5/2010), ông L và bà L sống chung với nhau có tổng cộng 04 (bốn) người con chung gồm: Nguyễn Thị Châu T1, sinh năm 1980; Nguyễn Thị Dạ T2, sinh năm 1982; Nguyễn Thành V, sinh năm 1985; Nguyễn Trần Q, sinh năm 1987. Ngoài ra ông L còn có thêm 02 người con riêng gồm: L và C không rõ năm sinh và địa chỉ cụ thể.

Căn nhà số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T được anh Q và bà L thống nhất là tài sản chung của ông L và bà L. Theo biên bản định giá của Tòa án ngày 29/4/2021 (Bút lục 71- 74) tổng giá trị căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà có tổng giá trị là: 22.635.013đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm mười ba đồng), do đó bà L được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà là 11.317.506,5đồng làm tròn là 11.317.506đồng (Mười một triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm lẻ sáu đồng), ông L được $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 11.317.506,5đồng làm tròn là 11.317.506đồng (Mười một triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm lẻ sáu đồng), $\frac{1}{2}$ kỷ phần ông L được hưởng chia đều cho bà L, 04 người con ông L gồm: T1, T2, V, Q và 02 người con riêng của ông L là L và C, tức là $\frac{1}{2}$ kỷ phần của ông L là 11.317.506đồng chia làm 07 (bảy) kỷ phần, 11.317.506đồng : 07 kỷ phần = 1.616.786,57đồng làm tròn 1.616.786đồng, tổng kỷ phần bà L được nhận là: 12.934.292đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng), mỗi người con của ông L và bà L được nhận là 1.616.786đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Anh Q và bà L thống nhất giá trị căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà theo như biên bản định giá của Tòa án và thống nhất chia thừa kế là căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà này là tài sản chung của ông L và bà L.

Anh Q yêu cầu nhận căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà, đồng ý hoàn giá trị kỷ phần thừa kế của căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà cho bà L với số tiền là 12.934.292đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng), với lý do là anh Q hiện nay đi làm mướn, ở trọ không có nhà để ở; các anh chị em của anh cũng không có nhà để ở, anh và

các anh chị em của anh và một đứa cháu còn nhỏ cũng chỉ có căn nhà này để ở, chứ không có nhà để ở.

Bà L trình bày bà đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của bà theo quy định pháp luật với số tiền là 12.934.292đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng), nhưng bà đồng ý nhận bằng tiền, đồng ý để căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà lại cho 04 (bốn) người con của bà ở, các con bà hoàn giá trị bằng tiền lại cho bà với số tiền là 12.934.292đồng (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Hiện nay, bà Trần Thị L đang là người phải thi hành án theo Bản án số: 147/2020/DS-PT ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T, theo Quyết định thi hành án số: 208/QĐ-CCTHADS ngày 19/6/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T đối với số tiền nợ của bà Trần Kim P, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T. Đồng thời, hiện nay theo Quyết định số: 02/QĐ-CCTHADS ngày 13/11/2020 quyết định về việc cưỡng chế kê biên Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Trần Thị L, sinh năm 1956 địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T, Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bị kê biên gồm: Diện tích 261,7m² thuộc thửa đất số A, tờ bản đồ số B, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN:CS05669 cấp ngày 05/11/2019 cấp cho bà Trần Thị L đứng tên. Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất bị kê biên (Bút lục 49). Ngày 13/11/2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện G có Thông báo số:19/TB-CCTHADS ngày 13/11/2020 thông báo về việc cưỡng chế thi hành án đối với thửa đất số A, tờ bản đồ số B, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T cấp cho bà Trần Thị L đứng tên.

Như vậy, Hiện nay căn nhà số A, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T nằm trên thửa đất số A, tờ bản đồ số B, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS05669 cấp ngày 05/11/2019 do bà Trần Thị L đứng tên, thửa đất số A này hiện nay đang bị Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T kê biên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bà L theo Bản án số: 147/2020/DS-PT ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T đối với khoản tiền nợ mà bà L đang phải thi hành án.

Mặc khác, hiện nay bà Trần Thị L hiện đang thế chấp thửa đất số A, tờ bản đồ số B, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN:CS05669 cấp ngày 05/11/2019 cấp cho bà Trần Thị L đứng tên cho ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh T -Phòng giao dịch G để đảm bảo khoản tiền bà Trần Thị L đang vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LD1935700521 ngày 23/12/2019 (Bút lục 59-63). Hiện nay ngân hàng xin không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Do đó, để đảm bảo vụ án được giải quyết một cách khách quan, toàn diện và đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bà L đối với các khoản nợ mà hiện nay bà L còn đang phải thi hành án, đồng thời để tránh việc bà L trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà nên cần giao toàn bộ căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà nằm trên thửa đất số A, tờ bản đồ số B, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T cho bà Trần Thị L sở hữu. Bà Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn trả giá trị bằng tiền của căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà này theo tỷ phần thừa kế cho các con bà theo quy định pháp luật đối với mỗi tỷ phần thừa kế với số tiền là 1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Đối với 02 (hai) đứa con riêng của ông L là L và C hiện không rõ địa chỉ thì tạm giao cho bà L quản lý số tiền mà L, C được hưởng theo tỷ phần thừa kế, sau này bà L và 02 (hai) đứa con riêng của ông L là L và C có tranh chấp về số tiền được hưởng theo tỷ phần thừa kế này thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q là có cơ sở một phần nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Q.

[3.2]. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q không yêu cầu bà Trần Thị L phải hoàn trả lại cho mỗi người con giá trị còn lại của căn nhà theo công sức đóng góp, tôn tạo căn nhà. Nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Trần Q về việc không yêu cầu bà Trần Thị L phải hoàn trả lại cho mỗi người con giá trị còn lại của căn nhà theo công sức đóng góp, tôn tạo căn nhà.

[4]. Ghi nhận việc anh Nguyễn Trần Q và bà Trần Thị L xác định thửa đất số A, tờ bản đồ số B, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T (nay là khu phố A), thị trấn V, huyện G, tỉnh T có sổ vào sổ cấp GCN:CS05669 do S cấp ngày 05/11/2019 cấp cho bà Trần Thị L đứng tên là tài sản riêng của bà L nên không tranh chấp.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Châu T1, Nguyễn Thị Dạ T2, Nguyễn Thành V, Nguyễn Trần Q.

- Giao toàn bộ căn nhà và toàn bộ các công trình gắn liền với căn nhà nằm trên thửa đất số A, tờ bản đồ số B, diện tích 261,7m², loại đất ở tại đô thị, do S cấp cho bà Trần Thị L đứng tên có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS05669 cấp ngày 05/11/2019 cho bà Trần Thị L quản lý, sở hữu.

- Bà Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Châu T số tiền là

1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng).

- Bà Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Dạ T1 số tiền là 1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng).

- Bà Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Thành V số tiền là 1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng).

- Bà Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Trần Quang số tiền là 1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng).

- Bà Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Lộc (con riêng ông Nguyễn Thành L) số tiền là 1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Nhưng do hiện nay anh L không rõ địa chỉ, bà L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L ở đâu cho Tòa án nên tạm giao cho bà L quản lý số tiền 1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Khi nào anh L và bà L có tranh chấp về số tiền này thì anh L và bà L sẽ tranh chấp bằng một vụ kiện khác.

- Bà Trần Thị L có nghĩa vụ hoàn lại cho chị C (con riêng ông Nguyễn Thành L) số tiền là 1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Nhưng do hiện nay chị C thì bà L không rõ địa chỉ không cung cấp được địa chỉ cụ thể cho Tòa án nên tạm giao cho bà L quản lý số tiền 1.616.786 đồng (Một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, bảy trăm tám mươi sáu đồng), khi nào chị C và bà L có tranh chấp về số tiền này thì chị C và bà L sẽ tranh chấp bằng một vụ kiện khác.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Châu T1, Nguyễn Thị Dạ T2, Nguyễn Thành V, Nguyễn Trần Q (có anh Q đại diện theo ủy quyền) về việc yêu cầu bà Trần Thị L hoàn trả lại cho mỗi người con giá trị còn lại của căn nhà theo công sức đóng góp, tôn tạo căn nhà.

***Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Chị Nguyễn Thị Châu T1 phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T1 đã nộp 1.752.500 đồng (Một triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017075 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cản trừ nên hoàn lại cho chị T1 số tiền là 1.452.500 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng).

- Chị Nguyễn Thị Dạ T2 phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T2 đã nộp 1.656.000 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017074 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cản trừ nên hoàn lại cho chị T2 số tiền là 1.356.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

- Anh Nguyễn Thành V phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh V đã nộp 1.656.000 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017072 ngày

25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cân trừ nên hoàn lại cho anh V số tiền là 1.356.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

- Anh Nguyễn Trần Q phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Q đã nộp 1.656.000 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017073 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cân trừ nên hoàn lại cho anh Quang số tiền là 1.356.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

- Bà Trần Thị L do là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên bà L không phải chịu án phí.

Án tuyên vào lúc 10 giờ 30 phút, ngày 03/01/2024 tuyên vắng mặt anh Q, bà L, Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T; Ngân hàng thương mại cổ phần S Gòn Thương Tín - chi nhánh Tiền Giang - Phòng giao dịch Gò Công.

Các đương sự vắng mặt gồm: anh Quang, bà Lắm, Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh T - phòng giao dịch G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

****Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Đặng Thị Thanh Trinh